

Số: 3027 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2969/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, XDCB, TTPVHCC.

CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp nhằm đảm bảo cơ chế một cửa liên thông giữa các cơ quan liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm về công tác quản lý đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước trên địa bàn.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo các nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Cơ chế một cửa liên thông trong quá trình tiếp nhận, xử lý, luân chuyển hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính áp dụng các nguyên tắc sau:

- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi là Bộ phận TNTKQ) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Danh mục hồ sơ nộp phải đảm bảo đầy đủ các tài liệu, nội dung để tổ chức thẩm định và tổng hợp, phê duyệt tại các cơ quan trong quy

trình.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh trong việc giải quyết thủ tục hành chính thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công thực hiện việc phối hợp theo thẩm quyền, áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong quá trình tiếp nhận, xử lý, luân chuyển hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh theo dõi, giám sát việc tiếp nhận, phối hợp luân chuyển hồ sơ và trả kết quả việc giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Nâng cao tính chủ động phối hợp đồng thời bảo đảm trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện theo các quy định hiện hành và cập nhật các quy định mới trong quá trình giải quyết công việc.

Điều 3. Giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước phải thực hiện theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục của pháp luật hiện hành.

2. Đảm bảo tuân thủ Luật đầu tư công, Luật Xây dựng, Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và quy định pháp luật liên quan.

3. Tổng thời gian quy trình đảm bảo tuân thủ pháp luật về đầu tư xây dựng.

4. Việc điều hành, vận hành quy trình liên thông bằng Hệ thống XLDVC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trong đó phân định rõ trách nhiệm, thời gian thực hiện của các cơ quan trong quy trình liên thông. Chậm trễ tại công đoạn của đơn vị nào thì đơn vị đó phải chịu trách nhiệm.

5. Việc luân chuyển hồ sơ trong quá trình giải quyết giữa các cơ quan nhà nước thực hiện theo cơ chế một cửa hoặc cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước đã được quy định.

6. Chủ đầu tư có thể theo dõi tình hình thụ lý hồ sơ thông qua hệ thống mạng thông tin điện tử.

Điều 4. Thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Quy trình liên thông thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng áp dụng theo quy trình liên thông thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

2. Trường hợp hồ sơ chỉ điều chỉnh một số nội dung không qua Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương) thẩm định thì không tính bước thẩm định tại Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong quy trình chung.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 5. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

1. Tiếp nhận Tờ trình và hồ sơ (giấy và điện tử) từ Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Thẩm tra, thẩm định hồ sơ theo quy định.

3. Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quyết định đầu tư.

4. Chỉ đạo tiến độ thực hiện, xử lý các vướng mắc, khó khăn trong quá trình phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án sử dụng vốn nhà nước.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả quyết định phê duyệt đầu tư cho tổ chức, công dân ở Bộ phận TNTKQ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

2. Chuyển hồ sơ liên thông (giấy và điện tử) đến Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và nhận Báo cáo kết quả thẩm định dự án từ Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. Nếu dự án không có cấu phần xây dựng thì Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thẩm định thay thế các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

3. Trong quá trình xử lý hồ sơ nếu có phát sinh các trường hợp cần yêu cầu bổ sung về mặt nội dung, gia hạn thời gian giải quyết, xác minh hồ sơ,... thì phải có thông báo bằng văn bản gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để Trung tâm phối hợp với các đơn vị liên quan thông báo cho chủ đầu tư và cập nhật tình hình xử lý hồ sơ liên thông vào Hệ thống XLDVC.

4. Bộ phận TNTKQ của Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối chủ động tiếp nhận cập nhật các thông báo yêu cầu bổ sung về mặt nội dung, gia hạn thời gian xử lý, xác minh hồ sơ,... trong quá trình xử lý hồ sơ liên thông và cập nhật tình hình, kết quả giải quyết vào Hệ thống XLDVC.

4. Rà soát sự phù hợp, tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đầu tư dự án.

5. Theo dõi tiến độ thực hiện phối hợp của các cơ quan có liên quan; chủ động đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan có liên quan thực hiện việc phối hợp đúng thời gian quy định.

6. Báo cáo UBND tỉnh để xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong quá trình phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án sử dụng vốn nhà nước.

7. Có trách nhiệm hỗ trợ về chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

1. Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Rà soát tính hợp lệ, giải quyết thẩm định hồ sơ theo quy định.

3. Trong quá trình xử lý hồ sơ nếu có phát sinh các trường hợp cần yêu cầu bổ sung về mặt nội dung, gia hạn thời gian xử lý, xác minh hồ sơ,... thì phải có thông báo bằng văn bản gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công để Trung tâm phối hợp với các đơn vị liên quan thông báo cho chủ đầu tư và cập nhật tình hình xử lý hồ sơ liên thông vào Hệ thống XLDVC.

4. Gửi Báo cáo kết quả thẩm định cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và chủ đầu tư theo quy định.

5. Báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong quá trình phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án sử dụng vốn nhà nước.

6. Có trách nhiệm hỗ trợ về chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực mình trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Thực hiện đáp ứng kịp thời các nội dung liên quan được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu trong quá trình vận hành quy trình thẩm định phù hợp theo quy định của pháp luật, đặc biệt đối với công tác thẩm tra hồ sơ thiết kế dự toán.

2. Căn cứ ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình UBND tỉnh theo quy định.

3. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm nếu việc chậm trễ được xác định do

lỗi của chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thẩm tra.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thông báo đơn vị tư vấn thẩm tra chậm tiến độ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng để có biện pháp chế tài phù hợp theo quy định.

5. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thẩm định, phê duyệt dự án để giải quyết.

Điều 9. Trách nhiệm của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh

1. Đầu mối theo dõi, giám sát việc tiếp nhận, phối hợp xử lý và trả kết quả việc giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Thực hiện đầy đủ các quy trình tiếp nhận, số hóa, chuyển hồ sơ điện tử và luân chuyển hồ sơ giấy theo thời gian quy định cho các đơn vị đầu mối xử lý, giải quyết thủ tục hành chính.

3. Phối hợp với các đơn vị trong trao đổi, liên lạc, gia hạn thời gian xử lý, xác minh hồ sơ,... với chủ đầu tư.

3. Phối hợp với các đơn vị thực hiện các quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính.

4. Tổng hợp báo cáo hàng tháng về kết quả giải quyết hồ sơ thẩm định dự án, báo cáo UBND tỉnh và gửi các cơ quan trong quy trình thẩm định.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan khác

1. Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định, các cơ quan có liên quan khi được cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản trong thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn, các cơ quan không có văn bản trả lời thì được xem như chấp thuận về nội dung lấy ý kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình.

2. Thực hiện các công việc liên quan để phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước theo yêu cầu của UBND tỉnh.

Điều 11. Cách tính thời gian giải quyết thủ tục hành chính

1. Thời gian thẩm định dự án có cấu phần xây dựng theo quy định tại Điều 59 Luật Xây dựng.

2. Thời gian thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Thời gian tổng hợp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và quyết định đầu tư tại UBND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP

ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

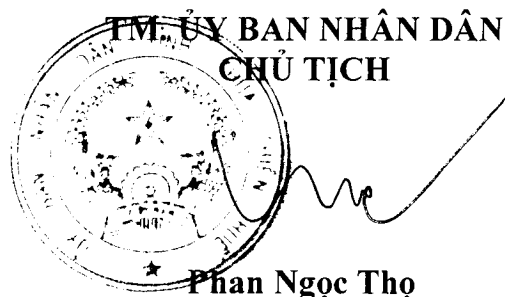
Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các nội dung khác không đề cập trong quy chế được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ



PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3027 /QĐ-UBND ngày 26 / 12/2018)

QUY TRÌNH LIÊN THÔNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ - TÀI LIỆU VIỆN DẪN.

- Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Văn bản số 591/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc quy trình liên thông trong thẩm định dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

II. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- **Bộ phận TNTKQ:** Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
- **Bộ phận HT - GS:** Bộ phận Hỗ trợ - Giám sát.
- **Bộ phận HC - TH:** Bộ phận Hành chính - Tổng hợp.

- **Phòng/Ban chuyên môn:** Phòng, ban chuyên môn trực thuộc các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính theo lĩnh vực được phân công.

- **QT:** Quy trình

- **QTLT:** Quy trình liên thông

- **QĐ:** Quyết định

- **Sở KH&ĐT:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Sở QLCTXDCN:** Sở Quản lý Công trình Xây dựng chuyên ngành.

- **TTHC:** thủ tục hành chính.

- **TT. PVHCC:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

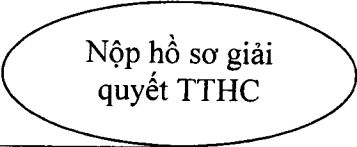
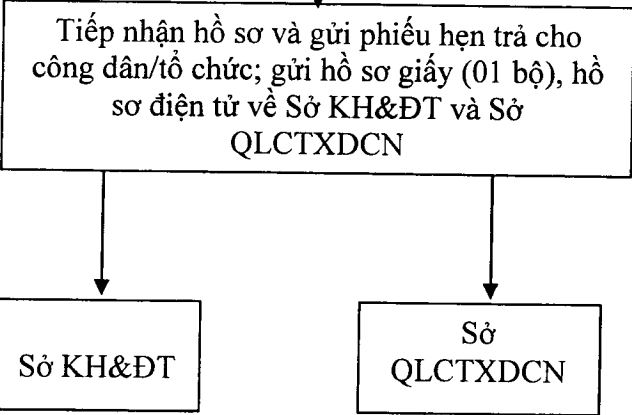
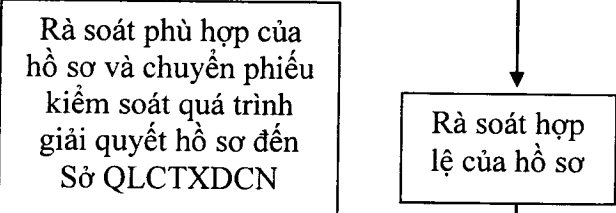
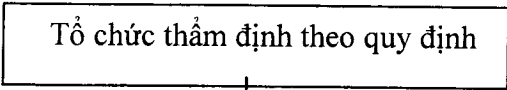
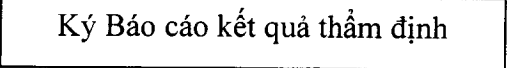
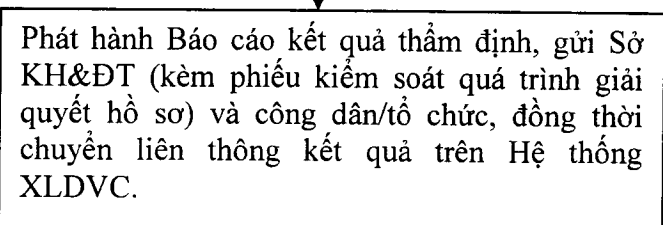
- **TTg:** Thủ tướng

- **UBND:** Ủy ban nhân dân

- **Hệ thống XLDVC:** Hệ thống Xử lý dịch vụ công.

III. NỘI DUNG QUY TRÌNH LIÊN THÔNG

III.1. Quy trình liên thông thẩm định dự án đầu tư nguồn vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của chủ tịch UBND tỉnh:

Người thực hiện	Trình tự công việc	Mẫu biểu, tài liệu liên quan
Công dân/ Tổ chức		
Bộ phận TNTKQ tại TT. PVHCC		<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả gửi CD/TC; - Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả Sở QLCTXDCN gửi sở KH&ĐT; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ của TT.PVHCC
Phòng/ban chuyên môn tại Sở KH&ĐT và Sở QLCTXDCN		<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ của TT.PVHCC
Phòng/ban chuyên môn tại Sở QLCTXDCN		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trao đổi, thông báo gia hạn,... - Báo cáo kết quả thẩm định theo mẫu quy định của Luật Xây dựng
Lãnh đạo Sở QLCTXDCN		
Văn phòng Sở QLCTXDCN		<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ của TT. PVHCC - Báo cáo kết quả thẩm định theo mẫu quy định của Luật Xây dựng

Phòng/ban chuyên môn tại Sở KH&ĐT	<div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: 80%;"> Nhận Báo cáo thẩm định, tổng hợp, trình phê duyệt. </div>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu gia hạn hồ sơ của TT. PVHCC - Tờ trình mẫu TTH-136809-TT.PL1 - Dự thảo QĐ theo mẫu TTH-136809-TT.PL2
Lãnh đạo Sở KH&ĐT	<div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: 80%;"> Ký Tờ trình đề nghị phê duyệt </div>	
Văn phòng Sở KH&ĐT	<div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: 80%;"> Chuyển liên thông hồ sơ (điện tử và giấy) đến UBND tỉnh </div>	
Văn phòng UBND tỉnh	<div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: 80%;"> Tiếp nhận Tờ trình và hồ sơ (điện tử và giấy) đề nghị phê duyệt của Sở KH&ĐT </div>	
Chủ tịch UBND tỉnh	<div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: 80%;"> Phê duyệt quyết định đầu tư </div>	Theo mẫu TTH-136809-TT.PL2
Bộ phận TNTKQ tại TT. HCC	<div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: 80%;"> Tiếp nhận kết quả từ Văn phòng UBND tỉnh và trả kết quả công dân/tổ chức và gửi Sở KH&ĐT, Sở QLCTXDCN </div>	
Phòng/ban chuyên môn tại Sở KH&ĐT và Sở QLCTXDCN	<div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: 80%;"> Lưu hồ sơ </div>	

Ghi chú: Nếu dự án không có cấu phần xây dựng thì Sở KH&ĐT là cơ quan chuyên môn thẩm định thay thế các Sở QLCTXDCN

III.2. Thông tin thủ tục hành chính:

TT	Nội dung	Bản chính	Bản sao
1.	Điều kiện thực hiện TTHC: có văn bản chủ trương của cấp có thẩm quyền		
2.	Thành phần hồ sơ		
2.1	Hồ sơ dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật (thuyết minh, bản vẽ)	X3	
2.2	Quyết định/văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền		X3
2.3	Tờ trình của chủ đầu tư	X3	
2.4	Văn bản của đơn vị chủ quản của chủ đầu tư về nội dung dự án		X3
2.5	Văn bản thông báo vốn chuẩn bị đầu tư hoặc tương đương		X3
2.6	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án bắt buộc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường)		X3
2.7	Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy của Cảnh sát PCCC (nếu có)		X3
2.8	Văn bản thẩm định của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt (nếu có)		X3
2.9	Các tài liệu về quy hoạch được duyệt hoặc giấy phép, thông tin quy hoạch phù hợp yêu cầu dự án		X3
2.10	Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án (nếu có đối với phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định)		X3
2.11	Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án	X3	
2.12	Hồ sơ năng lực của các nhà thầu lập dự án	X3	
	+ Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế		X3
	+ Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có)		X3
	+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức		X3
	+ Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực)		X3
2.13	Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư đối với trường hợp trình hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật	X3	
2.14	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (cũ) đối với dự án điều chỉnh		X3

2.15	Báo cáo giám sát đầu tư nêu rõ nguyên nhân điều chỉnh dự án đối với dự án điều chỉnh	X3	
2.16	Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt	X3	
3.	Số lượng hồ sơ: 03 (tùy tính chất dự án) đảm bảo công tác lưu trữ, phục vụ yêu cầu công tác thanh tra, kiểm toán tại Sở KH&ĐT, Sở QLCTXDCN và UBND tỉnh		
4.	Thời gian xử lý: 45 ngày đối với nhóm B (Sở KH&ĐT 10 ngày, Sở QLCTXDCN 30 ngày, UBND tỉnh 5 ngày); 35 ngày đối với nhóm C (Sở KH&ĐT 10 ngày, Sở QLCTXDCN 20 ngày, UBND tỉnh 5 ngày)		
5.	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
6.	Lệ phí: Theo quy định		

III.3. Diễn giải quy trình:

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
1	Nộp hồ sơ giải quyết TTHC	Công dân/tổ chức		
2	Tiếp nhận hồ sơ và gửi phiếu hẹn trả cho công dân/tổ chức. Gửi hồ sơ giấy (01 bộ), hồ sơ điện tử về Sở KH&ĐT và Sở QLCTXDCN	Bộ phận TNTKQ tại TT. PVHCC	60 phút	
3	Số hóa thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ điện tử về cơ quan, đơn vị thụ lý	Bộ phận HC-TH tại TT. PVHCC	30 phút	
4	<ul style="list-style-type: none"> - Sở KH&ĐT: Rà soát. Nếu hồ sơ phù hợp, xác nhận phù hợp và chuyển phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ đến Sở QLCTXDCN. Nếu hồ sơ không phù hợp, có văn bản (hoặc phiếu) trả hồ sơ gửi TT.PVHCC và kết thúc việc thụ lý trên hệ thống mạng - Sở QLCTXDCN: Rà soát. Nếu hồ sơ phù hợp, xác nhận phù hợp. Nếu hồ sơ không phù hợp, có văn bản (hoặc phiếu) trả hồ sơ gửi TT.PVHCC và kết thúc việc thụ lý trên hệ thống mạng - Thời gian rà soát tính hợp lệ của hồ sơ tại Sở KH&ĐT và Sở QLCTXDCN là quy trình song song, tối đa 03 ngày và được tính trong tổng thời gian thẩm định, 	Phòng/ban chuyên môn các Sở và TT. PVHCC	03 ngày làm việc	Phiếu trả hồ sơ của TT.PVHCC

	tổng hợp quy định tại đơn vị - Việc thẩm định tại Sở QLCTXDCN chỉ tiến hành sau khi cùng được Sở KH&ĐT, Sở QLCTXDCN xác nhận phù hợp			
5	Nhận hồ sơ điện tử và thẩm định. Nếu có yêu cầu gia hạn thời gian, Sở QLCTXDCN gia hạn hoặc trả bằng văn bản/Phiếu gửi TT.PVHCC, đồng thời thực hiện thao tác gia hạn trên hệ thống mạng. TT.PVHCC xuất phiếu gia hạn gửi công dân/tổ chức. Phát hành Báo cáo kết quả thẩm định, gửi Sở KH&ĐT (kèm phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ) và công dân/tổ chức, đồng thời chuyển liên thông kết quả trên hệ thống mạng Thời gian thẩm định bằng thời gian quy định của Luật trừ đi số ngày rà soát hợp lệ	Phòng/ban chuyên môn và văn phòng Sở QLCTXDCN	Nhóm B: 27 ngày Nhóm C: 17 ngày	- Phiếu gia hạn của TT.PVHCC - Báo cáo kết quả thẩm định theo mẫu của Luật Xây dựng - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ của TT.PVHCC
6	Nhận Báo cáo thẩm định, tổng hợp, trình phê duyệt. Nếu có yêu cầu gia hạn thời gian, Sở KH&ĐT gia hạn hoặc trả bằng văn bản/Phiếu gửi TT. PVHCC, đồng thời thực hiện thao tác gia hạn trên hệ thống mạng. TT.PVHCC xuất phiếu gia hạn gửi công dân/tổ chức.	Phòng/ban chuyên môn và văn phòng Sở KH&ĐT	9 ngày (10 ngày theo quy định trừ thời gian 01 ngày tổng cộng để nhận, trả hồ sơ)	- Phiếu gia hạn của TT.PVHCC - Tờ trình mẫu TTH-136809-TT.PL1 - Dự thảo QĐ theo mẫu TTH-136809-TT.PL2
7	Gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở KH&ĐT	30p	
8	Thực hiện theo quy trình của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	5 ngày	
11	Nhận kết quả và trả công dân/tổ chức, Sở KH&ĐT, Sở QLCTXDCN	Bộ phận TNTKQ tại		* mốc kết thúc quy

		TT. PVHCC		trình
12	Lưu trữ hồ sơ	Phòng/ban chuyên môn	8h	

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	TTH-136809-TT.PL1	Tờ trình đề nghị phê duyệt của Sở KH&ĐT
2.	TTH-136809-TT.PL2	Quyết định phê duyệt
3.	*	Các Biểu mẫu áp dụng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả

V. HỒ SƠ LƯU TRỮ

TT	PL	Tên hồ sơ/ phụ lục (PL)	Mã số	Thời gian lưu trữ	Bộ phận lưu trữ
1.		Tờ trình của chủ đầu tư			
2.		Hồ sơ dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật			
3.		Báo cáo thẩm định Sở chuyên ngành xây dựng			
4.		Báo cáo thẩm định của Sở KH&ĐT			
5.		Quyết định phê duyệt			

VI. PHỤ LỤC

TT	Mã số	Tên biểu mẫu
1.	TTH-136809-TT.PL1	Tờ trình đề nghị phê duyệt của Sở KH&ĐT
2.	TTH-136809-TT.PL2	Quyết định phê duyệt

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr- SKHĐT Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 201.

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt dự án đầu tư/Báo cáo kinh tế kỹ thuật.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../20..... của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt chủ trương đầu tư

Căn cứ Thông báo số/TB-SKHĐT ngày/...../20..... của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo vốn chuẩn bị đầu tư năm 20.....;

Theo Tờ trình số/TTr-..... ngày/...../20.... của về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư dự án

Sau khi xem xét, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt dự án đầu tư/Báo cáo kinh tế kỹ thuật..... với các nội dung như sau:

I. Tóm tắt những nội dung chủ yếu của dự án đầu tư:

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư:

4. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư:

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6. Nội dung quy mô đầu tư và phương án xây dựng:.....

7. Địa điểm xây dựng:

8. Diện tích sử dụng đất:
9. Loại, cấp công trình: Công trình; nhóm
10. Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng:
11. Tổng mức đầu tư: triệu đồng.
12. Nguồn vốn đầu tư:
13. Hình thức quản lý dự án:
14. Thời gian thực hiện:

II. Tóm tắt ý kiến các cơ quan thẩm định dự án đầu tư:

.....

III. Nhận xét, đánh giá về nội dung dự án đầu tư:

1. Xem xét các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả, bao gồm: sự cần thiết đầu tư; các yếu tố đầu vào; quy mô, công suất, công nghệ, thời gian, tiến độ thực hiện; phân tích tài chính, hiệu quả về kinh tế – xã hội.

- a) Sự cần thiết đầu tư:
- b) Quy mô đầu tư:
- c) Tổng mức đầu tư dự án:
- d) Tiến độ thực hiện dự án
- e) Về phân tích tài chính và hiệu quả kinh tế:

2. Xem xét các yếu tố đảm bảo tính khả thi, bao gồm: Sự phù hợp với quy hoạch được duyệt; nhu cầu sử dụng đất; khả năng giải phóng mặt bằng; khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ; kết quả thẩm định dự án đầu tư:

.....

V. Kết luận và các kiến nghị:

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét quyết định ./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên;
-
- Lưu: ĐTTĐ, VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư/Báo cáo kinh tế kỹ thuật

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công;
Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/.../20..... của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng;
Căn cứ Công văn số/..... -..... ngày/.../20.... của về việc thông báo kết quả thẩm định dự án;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số /TTr-SKHĐT ngày tháng năm ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư/Báo cáo kinh tế kỹ thuật với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư:
4. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung quy mô đầu tư và phương án xây dựng:
.....
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Loại, cấp công trình: Công trình; nhóm
10. Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng:
11. Tổng mức đầu tư: triệu đồng.
.....
12. Nguồn vốn đầu tư:
13. Hình thức quản lý dự án:
14. Thời gian thực hiện:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và CV: NN, P.ĐTXD;
- Lưu VT, XDHT.